

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết
việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định
số 24/2019/NĐ-CP; số 06/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định về nuôi con nuôi; số 120/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của
chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;
số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân
dân tỉnh, tỉnh trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc
tỉnh, tỉnh trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số
370/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: số 10/2020/TT-BTP ban
hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ
sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2023/TT-BTP, Thông
tư số 10/2025/TT-BTP; số 08/2025/TT-BTP quy định về phân định thẩm quyền
của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1479/TTr-STP ngày
12/6/2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 192/BC-STP ngày
15/5/2026; ý kiến thống nhất đồng ý (bằng phiếu biểu quyết) của thành viên
UBND tỉnh;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối
hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành
về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026 và thay thế Quyết
định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế
phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên
địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tư pháp, Y tế, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và HT, XTĐT;
- Lưu: VT, NC₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

QUY CHẾ

**Phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi
có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh**

(ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp liên ngành trong giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã);
- c) Các cơ sở nuôi dưỡng;
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.
2. Quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.
3. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và có hiệu quả.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.
5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Phối hợp trong việc lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi và tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng

1. Người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm thông báo ngay cho UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi.

2. UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo từ người phát hiện trẻ bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi. Biên bản được lập thành 02 bản (01 bản lưu tại cơ quan lập, 01 bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ) và phải được người lập, những người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

3. UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Trường hợp có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã/phường đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Trường hợp trên địa bàn xã/phường không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì UBND cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch;

c) Thông báo cho cá nhân, tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em khi hết thời hạn niêm yết, không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ.

4. Cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi cho cơ quan có thẩm quyền sau khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế;

b) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ em sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi. Cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ em bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sở y tế.

5. Cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm:

Tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi sau khi nhận được hồ sơ trẻ em do UBND cấp xã lập và thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật; UBND cấp xã định kỳ 06 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi. Sau khi đã thực hiện việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định của pháp luật mà không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì UBND cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng:

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì cơ sở nuôi dưỡng lập 03 bộ hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Nuôi con nuôi, nộp cho Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi. Nếu hết thời hạn thông báo, không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi danh sách trẻ em cho Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi;

b) Hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đối với trẻ em quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài.

Đối với trẻ em thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp đề nghị UBND cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng nếu trẻ em không được chăm sóc thay thế bằng hình thức phù hợp khác theo quy định pháp luật. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì không phải thực hiện lại việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi;

c) Nội dung thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi phải bảo đảm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của trẻ em theo quy định pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh đăng tải miễn phí thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc UBND cấp xã, bảo đảm đúng quy định.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài. Công văn đề nghị cần nêu rõ nội dung cần xác minh.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an tỉnh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha, mẹ đẻ và không phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật có liên quan đến mua bán người. Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Trường hợp quá thời hạn 30 ngày mà chưa có kết quả xác minh, Công an tỉnh phải có văn bản thông báo lý do và thời hạn trả lời.

Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, Công an tỉnh nơi giải quyết việc nuôi con nuôi trực tiếp xác minh hoặc gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em xác minh;

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP*) để tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại;

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 7. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và cử công chức lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Nuôi con nuôi.

Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cử công chức hoặc gửi văn

bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định pháp luật và gửi văn bản lấy ý kiến cho Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi;

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

Kể từ ngày UBND cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp xã niêm yết tại trụ sở trong thời hạn 60 ngày. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, UBND cấp xã có văn bản gửi Sở Tư pháp thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.

Điều 8. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về độ tuổi, đối tượng được nhận đích danh, đối tượng phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ;

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài;

c) Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi kèm theo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác:

Phối hợp cho ý kiến theo đề nghị của Sở Tư pháp đúng thời hạn để đảm bảo trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 9. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài

1. Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP*) làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi và thực hiện như sau:

a) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm: Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Tư pháp (*Chủ trì cuộc họp*); đại diện Lãnh đạo: Sở Y tế, Công an tỉnh, Cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ em.

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài;

b) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi theo quy định Điều 35 Luật Nuôi con nuôi cho các cơ quan có liên quan, đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được lấy ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành và báo cáo Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi, đối với các hồ sơ không được giới thiệu thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 10. Phối hợp trong việc quản lý, sử dụng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, đảm bảo kinh phí cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Việc quản lý, sử dụng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và kinh phí bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi được thực hiện

trên cơ sở phối hợp giữa Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ sở nuôi dưỡng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về nuôi con nuôi.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Cơ sở nuôi dưỡng:

a) Trên cơ sở thông báo của Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp về số chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về địa phương, lập dự toán ngân sách đảm bảo cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cấp kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này; đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm việc tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định pháp luật và quy định tại Điều 5 Quy chế này, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Chủ trì việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc UBND cấp xã trong việc rà soát, đánh giá và giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2019, 2025 và khoản 1 Điều 10 Nghị định 120/2025/NĐ-CP nhằm tăng cường công tác nuôi con nuôi trong nước.

4. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.

5. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi tại các cơ sở khám, chữa bệnh hoặc các sự kiện sinh khác theo đề nghị của Công an tỉnh, Sở Tư pháp.

4. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý, gửi Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo theo Quy chế này.

5. Chủ trì đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở nuôi dưỡng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng và lập hồ sơ trẻ em.

6. Chủ trì việc rà soát, đánh giá năng lực các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh củng cố, kiện toàn cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cơ sở trợ giúp xã hội nhằm tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi người nước ngoài theo Điều 6 Quy chế này.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Kiểm tra, ngăn chặn, phòng chống việc làm giả giấy tờ, hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ thông báo của Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp về số chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về địa phương, thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn tỉnh.

2. Trên cơ sở đề xuất, dự toán kinh phí của Sở Tư pháp và cơ sở nuôi dưỡng, tham mưu kinh phí thực hiện cho các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh đăng tải miễn phí thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc UBND cấp xã, bảo đảm đúng quy định.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, UBND cấp xã tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trẻ em và nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trẻ em và nuôi con nuôi trên địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở nuôi dưỡng

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.

2. Tạo điều kiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện để người nhận con nuôi được tiếp xúc, làm quen với trẻ em khi đến Việt Nam nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi.

3. Báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định pháp luật và báo cáo Cục Hành chính tư pháp - Bộ Tư pháp về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc theo yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 18. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước cân đối, bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan đơn vị theo quy định Luật Ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí Bộ Tư pháp điều chuyển cho các địa phương, nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vấn đề chưa phù hợp hoặc có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.